

Số: 21/2025/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, nhiệm kỳ 2021-2026 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Bổ sung khoản 7, 8, 9, 10 vào sau khoản 6 Điều 2 như sau:

“7. Thực hiện phân công, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật, cá thể hóa trách nhiệm gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung dân chủ, quản lý thống nhất, phù hợp với thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; cấp dưới phục tùng, tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo, phân công của cấp có thẩm quyền.

9. Công khai, minh bạch, đổi mới hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp; đảm bảo thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

10. Ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; tất cả hồ sơ công việc phải được thực hiện và xử lý dưới dạng văn bản điện tử (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn, hoạt động và cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và những vấn đề quan trọng khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các công việc sau:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

b) Chiến lược; quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm của tỉnh; dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

c) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, hằng quý, 06 tháng, cả năm hoặc những vấn đề quan trọng, đột xuất và những nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

d) Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân tỉnh; việc thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính các cấp để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

đ) Chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Những vấn đề mà pháp luật quy định Ủy ban nhân dân tỉnh phải thảo luận và quyết định.

3. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thảo luận và quyết định từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh thường kỳ hoặc phiên họp chuyên đề;

b) Đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể, theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi toàn bộ hồ sơ và Phiếu xin ý kiến đến từng Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến;

c) Các quyết định tập thể của Ủy ban nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý. Trường hợp số tán thành và số không tán thành ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp lấy ý kiến các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phiếu thì:

Nếu vấn đề được đa số Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong phiên họp gần nhất;

Nếu vấn đề chưa được đa số Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đưa vấn đề ra phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh gần nhất để thảo luận thêm trước khi quyết định;

d) Đối với việc cho ý kiến và thông qua văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện thông qua Phiếu lấy ý kiến Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tại Phiên họp Ủy ban nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc những vấn đề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất về chủ trương, nguyên tắc, trừ những nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo hoặc giao Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh gần nhất về những vấn đề đã quyết định.

Đối với các vấn đề đã được pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể, chi tiết về trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

phụ trách ngành, lĩnh vực trực tiếp chỉ đạo xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật đối với những công việc cụ thể, những vấn đề về chuyên môn của các sở, ban, ngành; các văn bản tham gia ý kiến, báo cáo chuyên đề từng lĩnh vực theo đề nghị của bộ, ngành Trung ương (có văn bản giao riêng từng nội dung); phân công Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nội dung cần xin ý kiến thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn và phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; chỉ đạo, phân công, phối hợp hoạt động giữa các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương; trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc quan trọng, có tính chiến lược trong lĩnh vực công tác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không xử lý những công việc đã phân công, ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 6, 7 Điều này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; cùng các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trước cơ quan nhà nước cấp trên, trước Nhân dân địa phương và trước pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Phân công công tác cụ thể cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nhiệm vụ, quyền hạn tại khoản 2 Điều này. Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phân công công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trực tiếp chỉ đạo giải quyết hoặc phân công cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các tổ tư vấn để giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công việc.

5. Trong quá trình giải quyết công việc theo thẩm quyền, nếu thấy cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến tham gia của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

6. Khi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đi vắng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giải quyết hoặc phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khác giải quyết công việc thay Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đi vắng. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khác trực tiếp chỉ đạo, giải quyết những vấn đề cụ thể thay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã được phân công phụ trách, để bảo đảm yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Trong trường hợp cần thiết, do tính chất quan trọng, cấp bách của công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo xử lý công việc đã phân công, ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đó biết.

8. Quyết định ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách) xem xét quyết định các nội dung cấp bách hoặc không nhất thiết phải đưa ra trình tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến biểu quyết của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh bằng hình thức ghi phiếu trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để giao các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong các trường hợp cụ thể.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn và phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Mỗi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực, địa bàn công tác và phạm vi quyền hạn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quyền hạn được phân công, ủy quyền; cùng các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch các Hội đồng, Trưởng, Phó Trưởng các Ban Chỉ đạo theo lĩnh vực có liên quan; chỉ đạo và theo dõi hoạt động của một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách, đề án phát triển ngành, lĩnh vực theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao;

b) Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ thuộc phạm vi được phân công phụ trách. Nếu phát hiện cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành văn bản hoặc làm những việc trái với pháp luật, các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ việc thi hành và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo, xử lý những vấn đề phát sinh hằng ngày thuộc phạm vi phụ trách; nghiên cứu phát hiện và đề xuất những vấn đề về chủ trương, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách mới hoặc cần bổ sung, sửa đổi thuộc lĩnh vực được phân công, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

d) Chấp hành và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công;

đ) Theo dõi, chỉ đạo, hằng năm nhận xét, đánh giá tình hình hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công phụ trách;

e) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động xem xét, quyết định, giải quyết công việc được phân công, ủy quyền; thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng quyền hạn của Chủ tịch để chỉ đạo, quyết định, giải quyết công việc được phân công hoặc ủy quyền; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ đạo, giải quyết các công việc và ký các văn bản thuộc lĩnh vực do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp phụ trách.

Trong quá trình chỉ đạo giải quyết công việc, nếu có phát sinh những vấn đề quan trọng, khó hoặc vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi quyết định; nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khác phụ trách thì chủ động phối hợp với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đó để giải quyết; trường hợp các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đang phụ trách giải quyết công việc đó báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có những vấn đề mới chưa được quy định, vấn đề cần đưa ra thảo luận tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn và phạm vi giải quyết công việc của Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ủy viên Ủy ban nhân dân thực hiện các công việc cụ thể theo ngành, lĩnh vực được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công; tham gia giải quyết các công việc chung của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh; cùng tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm liên đới các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất và tham gia giải quyết các công việc của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh; cùng tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh và trả lời đầy đủ, đúng thời hạn Phiếu ghi ý kiến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến, theo quy định tại Quy chế này; ý kiến trả lời phải ghi rõ một trong các nội dung: Tán thành; tán thành nhưng có ý kiến bổ sung, sửa đổi; không tán thành.

Nếu pháp luật hoặc cơ quan cấp trên quy định cụ thể thời hạn giải quyết công việc thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải nêu rõ thời hạn, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến trả lời. Nếu pháp luật hoặc cơ quan cấp trên không quy định cụ thể thời hạn giải quyết công việc, thì trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu ghi ý kiến (ngày nhận văn bản là ngày văn bản đến văn thư các sở, ban, ngành trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành), Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh phải có ý kiến trả lời (Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh không giao cho cấp phó tham gia ý kiến hoặc ký Phiếu ghi ý kiến). Sau thời hạn theo quy định nêu trên, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh sách Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh không có ý kiến, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giải quyết các công việc cụ thể theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những việc được phân công, ủy quyền;

d) Được nhận, gửi thông tin, tài liệu, đơn thư, giấy mời họp, trao đổi ý kiến về các công việc có liên quan thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành hoặc hình thức khác;

đ) Không phát ngôn và làm trái với quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp có ý kiến khác với quyết định đó thì vẫn phải chấp hành nhưng được tiếp tục trình bày ý kiến của mình với tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải đúng thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nêu rõ nội dung vấn đề trình, căn cứ về thẩm quyền, cơ sở, ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan và đề xuất, kiến nghị rõ phương án, biện pháp giải quyết; phải được người có thẩm quyền theo quy định ký, đóng dấu và bảo đảm đầy đủ, hiệu quả, kịp thời theo đúng quy trình, quy định của pháp luật.

Đối với hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền phải xin ý kiến Sở Tư pháp trước khi trình.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm tờ trình, báo cáo; dự thảo văn bản kèm theo (gồm cả dự thảo thông báo kết luận và văn bản chỉ đạo khác của cơ quan có thẩm quyền), ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các tài liệu cần thiết khác (nếu có). Trường hợp tờ trình, báo cáo, văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có độ dài trên 10 trang A4 thì phải có tờ trình tóm tắt dưới 05 trang A4.

a) Đối với các hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh mà theo quy định của pháp luật yêu cầu phải có tài liệu kèm theo thì phải tuân theo quy định của pháp luật đó;

b) Đối với các báo cáo, văn bản, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trình Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan có thẩm quyền liên quan theo quy định và tiếp thu, giải trình đầy đủ trước khi trình.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước phải được gửi dưới dạng văn bản điện tử qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định, trừ trường hợp có yêu cầu khác. Trường hợp chưa kết nối với Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành hoặc văn bản mật thì gửi văn bản giấy. Việc phát, chuyển văn bản phải có ý kiến của lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lập danh mục công văn, tờ trình theo vấn đề, nội dung các cơ quan, đơn vị, địa phương trình để theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải được gửi đồng thời đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm tra và xử lý theo quy định tại Quy chế này.”

7. Thay một số cụm từ như sau:

a) Thay cụm từ “hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc” tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 bằng cụm từ “Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành”;

b) Thay cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 48 bằng cụm từ “Sở Tài chính”;

c) Thay cụm từ “Ban Cán sự đảng UBND tỉnh” tại khoản 3 Điều 8, khoản 4 Điều 42 bằng cụm từ “Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bắc Kạn;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình